kiểm tra 60 phút toán kì một lớp 8

Câu 1 **Biểu thức nào sau đây là đơn thức?**

A. $3x^2y$

B. $2x + 1$

C. $x - y$

D. $\frac{1}{x}$

Câu 2 **Bậc của đơn thức $-4x^3y^2z$ là:**

A. 5

B. 6

C. 3

D. 2

Câu 3 **Thu gọn đa thức $3x^2 - 5x + 2x^2 + 7x - 4$ ta được:**

A. $5x^2 + 2x - 4$

B. $5x^2 - 12x - 4$

C. $x^2 + 2x - 4$

D. $5x^2 + 12x - 4$

Câu 4 **Kết quả của phép nhân $2x(3x^2 - 4x + 1)$ là:**

A. $6x^3 - 8x^2 + 2x$

B. $6x^3 - 4x + 2x$

C. $6x^2 - 8x + 2$

D. $6x^3 + 8x^2 - 2x$

Câu 5 **Khai triển $(x+3)^2$ ta được:**

A. $x^2 + 6x + 9$

B. $x^2 + 3x + 9$

C. $x^2 + 6x + 3$

D. $x^2 + 9$

Câu 6 **Viết biểu thức $x^2 - 4$ dưới dạng tích:**

A. $(x-2)(x+2)$

B. $(x-4)(x+1)$

C. $(x-2)^2$

D. $x(x-4)$

Câu 7 **Khai triển $(x-2)^3$ ta được:**

A. $x^3 - 6x^2 + 12x - 8$

B. $x^3 + 6x^2 + 12x + 8$

C. $x^3 - 6x^2 + 6x - 8$

D. $x^3 - 8$

Câu 8 **Rút gọn $x^3 + 8$ bằng:**

A. $(x+2)(x^2 - 2x + 4)$

B. $(x+2)(x^2 + 2x + 4)$

C. $(x+2)^3$

D. $(x-2)(x^2 + 2x + 4)$

Câu 9 **Chia đơn thức $12x^4y^3 : 3x^2y$ ta được:**

A. $4x^2y^2$

B. $4x^2y^3$

C. $9x^2y^2$

D. $4x^6y^4$

Câu 10 **Thực hiện phép chia $(6x^3 - 9x^2 + 3x) : 3x$ ta được:**

A. $2x^2 - 3x + 1$

B. $2x^2 - 3x$

C. $2x^3 - 3x^2 + x$

D. $2x^2 + 3x + 1$

Câu 11 **Hằng đẳng thức $A^3 - B^3$ bằng:**

A. $(A-B)(A^2 + AB + B^2)$

B. $(A+B)(A^2 - AB + B^2)$

C. $(A-B)^3$

D. $(A-B)(A^2 - AB + B^2)$

Câu 12 **Hằng đẳng thức $A^3 + B^3$ bằng:**

A. $(A+B)(A^2 + AB + B^2)$

B. $(A+B)(A^2 - AB + B^2)$

C. $(A+B)^3$

D. $(A-B)(A^2 + AB + B^2)$

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:
IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker
Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app